

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	1 – 2
2	<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	3 – 4
3	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 – 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9 – 10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 – 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

### **Các đơn vị thành viên**

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sông Đáy – Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết	Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

### **Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính**

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số còn lại Công ty đang ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn.

**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Viết Bình	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc



Số : /BCKT - TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc, Công ty đang nỗ lực liên hệ với Ông Nguyễn Tất Lạc để xử lý quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng chuyển nhượng. Để thận trọng, Năm 2015 Công ty đã phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm. Trong năm 2016 Công ty tiếp tục phân bổ số tiền 6.000.000.000 đồng vào chi phí kinh doanh. Số tiền còn lại tương ứng 32.511.250.000 đồng đang được công ty ghi nhận là một khoản Chi phí trả trước dài hạn.

### **Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Trung Kiên**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1129-2014-045-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Tiến Thành**

Số giấy chứng nhận đăng ký hành  
nghề kiểm toán: 1706-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>481.951.657.028</b>	<b>933.831.889.161</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>105.782.587.930</b>	<b>322.054.726.009</b>
1	Tiền	111		41.090.219.930	217.792.332.009
2	Các khoản tương đương tiền	112		64.692.368.000	104.262.394.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>228.694.143.525</b>	<b>264.503.412.681</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		185.572.678.131	203.138.019.384
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.990.710.488	12.966.812.477
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		18.114.137	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.02.1	98.138.196.669	109.424.136.720
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>116.630.059.953</b>	<b>317.119.836.156</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.03	116.630.059.953	317.119.836.156
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.844.865.620</b>	<b>30.153.914.315</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04.1	125.102.887	129.162.697
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.669.416.969	27.407.995.513
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		50.345.764	2.616.756.105
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>279.376.393.499</b>	<b>276.030.068.676</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.500.000</b>	<b>404.500.000</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		145.165.493	145.165.493
2	Phải thu dài hạn khác	216	V.02.2	404.500.000	404.500.000
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(535.165.493)	(145.165.493)
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.273.137.208</b>	<b>24.158.972.240</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	18.273.137.208	24.158.972.240
	- Nguyên giá	222		47.329.661.683	47.616.439.697
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.056.524.475)	(23.457.467.457)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.06</b>	<b>881.367.500</b>	<b>1.800.459.500</b>
	- Nguyên giá	231		881.367.500	1.800.459.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>180.885.121.672</b>	<b>157.365.000.095</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	180.885.121.672	157.365.000.095
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.500.000</b>	<b>32.500.500.000</b>
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	26.300.000.000	26.300.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.09	6.200.500.000	6.200.500.000

<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.821.767.119</b>	<b>59.800.636.841</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.04.2	33.246.767.119	39.716.964.210
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.983.672.631
3	Lợi thế thương mại	269	V.10	13.575.000.000	18.100.000.000
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>761.328.050.527</b>	<b>1.209.861.957.837</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>409.881.347.513</b>	<b>865.783.946.970</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>406.921.022.513</b>	<b>767.752.264.579</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		212.817.791.634	325.719.346.806
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.135.920.955	270.103.868.337
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.922.613.188	6.685.507.780
4	Phải trả người lao động	314		179.714.927	744.533.747
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.876.326.739	70.438.901.445
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	48.469.236.613	39.616.373.778
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13.1	52.091.491.449	51.934.737.268
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.427.927.008	2.508.995.418
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.960.325.000</b>	<b>98.031.682.391</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.2	2.960.325.000	98.031.682.391
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>351.446.703.014</b>	<b>344.078.010.867</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>351.446.703.014</b>	<b>344.078.010.867</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.098.433.409)	(21.089.302.618)
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		25.183.653.303	25.183.653.303
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.414.134.096)	(5.384.768.479)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.663.503.868)	(339.467.371)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.249.369.772	(5.045.301.108)
7	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		86.846.590.816	81.439.402.261
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>761.328.050.527</b>	<b>1.209.861.957.837</b>

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ HOA VINH**

Kế toán trưởng



**LÊ HOÀI THU**

Phó Tổng Giám đốc



**PHẠM THỊ CẨM ANH**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>757.881.893.935</b>	<b>1.018.600.369.211</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.422.034.763	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>753.459.859.172</b>	<b>1.018.600.369.211</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	682.327.264.128	912.892.185.739
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>71.132.595.044</b>	<b>105.708.183.472</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.006.566.356	6.087.212.723
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.329.813.093	6.860.116.425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.323.635.032	6.840.417.592
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25		291.174.870	404.742.536
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		46.848.794.953	98.789.798.811
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24+(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>26.669.378.484</b>	<b>5.740.738.423</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.05	4.337.075.388	10.883.852.452
13. Chi phí khác	32	VI.06	654.532.164	7.826.949.829
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.682.543.224	3.056.902.623
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>30.351.921.708</b>	<b>8.797.641.046</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	6.958.108.770	3.897.968.026
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.983.672.631	(1.805.047.426)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>21.410.140.307</b>	<b>6.704.720.446</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		14.249.369.772	(4.892.260.961)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		7.160.770.535	11.596.981.407
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	787	(270)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		787	(270)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng

LÊ HOÀI THU

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM ANH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	1	<b>30.351.921.708</b>	<b>8.797.641.046</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	2	6.108.316.051	7.413.216.901
- Các khoản dự phòng	3	390.000.000	18.307.667.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(4.387.582.246)	(6.719.941.177)
- Chi phí lãi vay	6	2.322.551.282	6.840.417.592
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8	<b>34.785.206.795</b>	<b>34.639.001.762</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	35.114.258.041	(61.890.121.786)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	200.489.776.203	(102.435.752.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(373.990.005.880)	341.342.488.106
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	6.474.256.901	39.268.374.567
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.322.551.282)	(6.840.417.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.536.198.163)	(3.017.951.124)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(1.581.444.991)	(2.961.279.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	20	<b>(107.566.702.376)</b>	<b>238.104.342.249</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(24.468.565.213)	(27.137.199.929)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	873.636.364	1.145.454.546
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.006.566.356	6.087.212.723
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(18.588.362.493)</b>	<b>(19.904.532.660)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	8.520.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	210.973.070.908	591.421.319.309
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(305.887.674.118)	(572.318.810.620)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.722.470.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(90.117.073.210)</b>	<b>19.102.508.689</b>

<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	50	<b>(216.272.138.079)</b>	<b>237.302.318.278</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>322.054.726.009</b>	<b>84.752.407.731</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hoái đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70	<b>105.782.587.930</b>	<b>322.054.726.009</b>

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**Người lập biểu**



**NGUYỄN THỊ HOA VINH**

**Kế toán trưởng**



**LÊ HOÀI THU**

**Phó Tổng Giám đốc**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sông Đáy – Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết	Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

**Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:**

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng. Các chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

**II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### ***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

#### ***Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp***

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Công ty con:**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

##### **Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia và việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

##### **Lợi thế thương mại:**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

##### **Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:**

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

### ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền***

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:*** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích lập dự phòng</b>
Trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Trên 03 năm	100%

## **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:** Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left( \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} \\ \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

**Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:** Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \\ \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} \end{array} \right) \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \end{array} \right)$$

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

### **Chi phí phải trả**

Khoản chi phí phải trả trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm :

- Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- Chi phí phải trả các công trình.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **10. Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức**

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định công bố của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang bị làm việc.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Doanh thu cung cấp dịch vụ*** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:**

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty con.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## **14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	2.260.470.836	1.731.493.220
Tiền gửi ngân hàng	38.829.749.094	216.060.838.789
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có năm hạn dưới 03 tháng	64.692.368.000	104.262.394.000
<b>Cộng</b>	<b>105.782.587.930</b>	<b>322.054.726.009</b>

**2 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>98.138.196.669</b>	<b>61.025.555.900</b>	<b>109.424.136.720</b>	<b>61.025.555.900</b>
Tạm ứng	293.801.500	-	253.354.000	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	686.905.678	-	7.298.559.058	-
Cổ tức trả trước	8.978.155.000	-	24.000.000.000	-
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Phải thu khác	12.369.688.601	-	2.062.577.772	-
<b>Dài hạn</b>	<b>404.500.000</b>	<b>(390.000.000)</b>	<b>404.500.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	390.000.000	(390.000.000)	390.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	14.500.000	-	14.500.000	-
	<b>98.542.696.669</b>	<b>60.635.555.900</b>	<b>109.828.636.720</b>	<b>61.025.555.900</b>

- (i) Bao gồm Gốc vay và lãi vay Công ty cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.
- (ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).
- (iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC - PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

**3 Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	1.900.700.357	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	9.086.363	-	25.006.818	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	114.720.273.233	-	317.094.829.338	-
	<b>116.630.059.953</b>	<b>-</b>	<b>317.119.836.156</b>	<b>-</b>

**4 Chi phí trả trước**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>125.102.887</b>	<b>129.162.697</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.669.713	129.162.697
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	31.433.174	-
<b>Dài hạn</b>	<b>33.246.767.119</b>	<b>39.716.964.210</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	735.517.119	1.205.714.210
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	38.511.250.000
Cộng	<b>33.371.870.006</b>	<b>39.846.126.907</b>

(\*) Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2016/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2016, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng, năm 2016 số tiền 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn.

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.944.416.927</b>	<b>30.835.923.243</b>	<b>11.439.218.778</b>	<b>396.880.749</b>	<b>47.616.439.697</b>
- Mua trong năm	-	-	948.443.636	-	<b>948.443.636</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(847.626.059)	(171.451.467)	-	<b>(1.019.077.526)</b>
- Giảm khác	-	(216.144.124)	-	-	<b>(216.144.124)</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.944.416.927</b>	<b>29.772.153.060</b>	<b>12.216.210.947</b>	<b>396.880.749</b>	<b>47.329.661.683</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.687.174.233</b>	<b>17.313.613.278</b>	<b>3.060.984.970</b>	<b>395.694.976</b>	<b>23.457.467.457</b>
- Khấu hao trong năm	419.384.010	4.146.087.779	1.541.658.489	1.185.773	6.108.316.051
- Thanh lý, nhượng bán	-	(281.370.312)	(171.451.467)	-	(452.821.779)
- Giảm khác	-	(56.437.254)	-	-	(56.437.254)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.106.558.243</b>	<b>21.121.893.491</b>	<b>4.431.191.992</b>	<b>396.880.749</b>	<b>29.056.524.475</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.257.242.694</b>	<b>13.522.309.965</b>	<b>8.378.233.808</b>	<b>1.185.773</b>	<b>24.158.972.240</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.837.858.684</b>	<b>8.650.259.569</b>	<b>7.785.018.955</b>	-	<b>18.273.137.208</b>

**6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>1.800.459.500</b>	-	<b>919.092.000</b>	<b>881.367.500</b>
- <i>Quyền sử dụng đất</i>	1.800.459.500	-	919.092.000	881.367.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại BĐS đầu tư</b>	<b>1.800.459.500</b>	-	<b>919.092.000</b>	<b>881.367.500</b>
- <i>Quyền sử dụng đất</i>	1.800.459.500	-	919.092.000	<b>881.367.500</b>

**7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Dự án 407 Nguyễn An Ninh	3.112.934.951	2.925.525.563
Khu đô thị mới Tứ Hiệp	177.772.186.721	154.439.474.532
Cộng	<u><b>180.885.121.672</b></u>	<u><b>157.365.000.095</b></u>

**8 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Cuối năm			Đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị khoản đầu tư tại công ty liên kết</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị khoản đầu tư tại công ty liên kết</i>
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	26.300.000.000	(3.721.124.388)	22.578.875.612	26.300.000.000	(3.721.124.388)	22.578.875.612
<b>Cộng</b>	<b>26.300.000.000</b>	<b>(3.721.124.388)</b>	<b>22.578.875.612</b>	<b>26.300.000.000</b>	<b>(3.721.124.388)</b>	<b>22.578.875.612</b>

**9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối năm			Đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.200.500.000</b>	<b>-</b>	<b>6.200.500.000</b>	<b>6.200.500.000</b>	<b>-</b>	<b>6.200.500.000</b>

**10 Lợi thế thương mại**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>18.100.000.000</b>	<b>22.625.000.000</b>
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	4.525.000.000	4.525.000.000
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>13.575.000.000</b>	<b>18.100.000.000</b>

**11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
- Thuế GTGT	4.696.398.727	16.394.091.835	16.776.475.350	4.314.015.212
- Thuế TNDN	1.597.122.321	7.313.623.028	6.536.198.163	2.374.547.186
- Thuế TNCN	391.986.732	835.128.642	993.064.584	234.050.790
	<b>6.685.507.780</b>	<b>24.542.843.505</b>	<b>24.305.738.097</b>	<b>6.922.613.188</b>

**12 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.469.236.613</b>	<b>39.616.373.778</b>
Kinh phí công đoàn	248.989.480	185.142.560
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	200.012.008	147.074.738
Phí bảo trì chung cư	12.322.184.000	-
Công ty CP TH Thăng Long	32.782.527.000	24.782.527.000
Phải trả, phải nộp khác	2.915.524.125	14.501.629.480
<b>Cộng</b>	<b>48.469.236.613</b>	<b>39.616.373.778</b>

**13 Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>13.1 Ngắn hạn</b>	<b>52.091.491.449</b>	<b>52.091.491.449</b>	<b>211.550.970.908</b>	<b>211.394.216.727</b>	<b>51.934.737.268</b>	<b>51.934.737.268</b>
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>51.183.091.449</b>	<b>51.183.091.449</b>	<b>210.642.570.908</b>	<b>209.394.216.727</b>	<b>49.934.737.268</b>	<b>49.934.737.268</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	45.771.176.449	45.771.176.449	136.911.147.129	99.405.395.585	8.265.424.905	8.265.424.905
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	5.400.000.000	5.400.000.000	68.334.490.041	98.661.831.564	35.727.341.523	35.727.341.523
Ngân hàng Indovina	11.915.000	11.915.000	5.396.933.738	11.326.989.578	5.941.970.840	5.941.970.840
<b>Công ty Cổ phần Cửa Hoa kỳ</b>	<b>908.400.000</b>	<b>908.400.000</b>	<b>908.400.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (v)	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Khác	908.400.000	908.400.000	908.400.000	-	-	-
<b>13.2 Dài hạn</b>	<b>2.960.325.000</b>	<b>2.960.325.000</b>	<b>330.500.000</b>	<b>95.401.857.391</b>	<b>98.031.682.391</b>	<b>98.031.682.391</b>
<b>Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam</b>	<b>2.773.225.000</b>	<b>2.773.225.000</b>	<b>-</b>	<b>1.198.100.000</b>	<b>3.971.325.000</b>	<b>3.971.325.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	2.773.225.000	2.773.225.000	-	1.198.100.000	3.971.325.000	3.971.325.000
<b>Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>92.498.657.391</b>	<b>92.498.657.391</b>	<b>92.498.657.391</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Dự án CT 15,16(i)	-	-	-	10.307.547.364	10.307.547.364	10.307.547.364
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Dự án CT 4,5,6 (i)	-	-	-	82.191.110.027	82.191.110.027	82.191.110.027
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất cửa Hoa kỳ</b>	<b>187.100.000</b>	<b>187.100.000</b>	<b>330.500.000</b>	<b>1.705.100.000</b>	<b>1.561.700.000</b>	<b>1.561.700.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội (iii)	187.100.000	187.100.000	-	184.600.000	371.700.000	371.700.000
Khác	-	-	330.500.000	1.520.500.000	1.190.000.000	1.190.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.051.816.449</b>	<b>54.143.416.449</b>	<b>211.881.470.908</b>	<b>306.796.074.118</b>	<b>149.966.419.659</b>	<b>149.966.419.659</b>



**14. Vốn chủ sở hữu**

**14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
- Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	24.979.248.303	4.082.251.900	(18.182.323.149)	69.536.388.177	319.032.323.659
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(4.892.260.961)	11.596.981.407	6.704.720.446
- Tăng khác	-	-	(9.286.546)	204.405.000	150.000.000	17.689.815.631	306.032.677	18.340.966.762
- Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	25.183.653.303	4.232.251.900	(5.384.768.479)	81.439.402.261	344.078.010.867
- Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	25.183.653.303	4.232.251.900	(5.384.768.479)	81.439.402.261	344.078.010.867
- Lãi tăng trong năm	-	-	-	-	-	14.249.369.772	7.160.770.535	21.410.140.307
- Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	-	-	-	(9.130.791)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(12.278.735.389)	(1.753.581.980)	(14.032.317.369)
<b>Số dư cuối năm này</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.696.774.500</b>	<b>(21.098.433.409)</b>	<b>25.183.653.303</b>	<b>4.232.251.900</b>	<b>(3.414.134.096)</b>	<b>86.846.590.816</b>	<b>351.446.703.014</b>

**14.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

**14.3. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>18.100.000</b>	<b>18.100.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Cộng	<b>18.100.000</b>	<b>18.100.000</b>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính : VND*

**1 Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	204.181.384	604.021.550
Doanh thu hợp đồng xây dựng	489.707.556.092	675.210.007.509
Doanh thu kinh doanh bất động sản	258.826.311.291	341.646.831.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.143.845.168	1.139.509.092
Cộng	<u><b>757.881.893.935</b></u>	<u><b>1.018.600.369.211</b></u>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	17.050.000	350.482.430
Giá vốn hợp đồng xây dựng	442.068.293.531	600.136.211.208
Giá vốn kinh doanh bất động sản	233.201.438.231	311.268.161.454
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.040.482.366	1.137.330.647
Cộng	<u><b>682.327.264.128</b></u>	<u><b>912.892.185.739</b></u>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.741.559.341	5.863.477.410
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	149.901.000
Doanh thu tài chính khác	115.007.015	45.652.128
Cộng	<u><b>5.006.566.356</b></u>	<u><b>6.087.212.723</b></u>

**4 Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.323.635.032	6.840.417.592
Lỗi chênh lệch tỷ giá thanh toán	6.178.061	19.698.833
Cộng	<u><b>2.329.813.093</b></u>	<u><b>6.860.116.425</b></u>

**5 Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	920.670.653	1.145.454.546
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	400.000	292.048.000
Thu nhập khác	3.416.004.735	9.446.349.906
Cộng	<u><b>4.337.075.388</b></u>	<u><b>10.883.852.452</b></u>

**6 Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại Tài sản cố định	566.255.747	5.968.935.181
Chi phạt nộp thuế	56.220	1.461.845.512
Chi phí khác	88.220.197	396.169.136
<b>Cộng</b>	<b><u>654.532.164</u></b>	<b><u>7.826.949.829</u></b>

**7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

<b>Chỉ tiêu</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (20%)	6.958.108.770	3.897.968.026
<b>Trong đó, thuế TNDN tại từng Công ty</b>		
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	4.170.933.374	-
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	303.619.020	558.313.248
Công ty Cổ phần Tứ hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.483.556.376	3.124.694.006
Công ty TNHH Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	-	51.344.658
Công ty Cổ phần Cửa Hoa kỳ	-	163.616.114

**8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty</b>	<b>14.249.369.772</b>	<b>(4.892.260.961)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	14.249.369.772	(4.892.260.961)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (*)	18.100.000	18.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>787</b>	<b>(270)</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long TDK..

**Người lập biểu**



**NGUYỄN THỊ HOA VINH**

**Kế toán trưởng**



**LÊ HOÀI THU**

*Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017*

**Phó Tổng Giám đốc**



**PHẠM THỊ CẨM ANH**